FireAnt

CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (HSX: LBM)

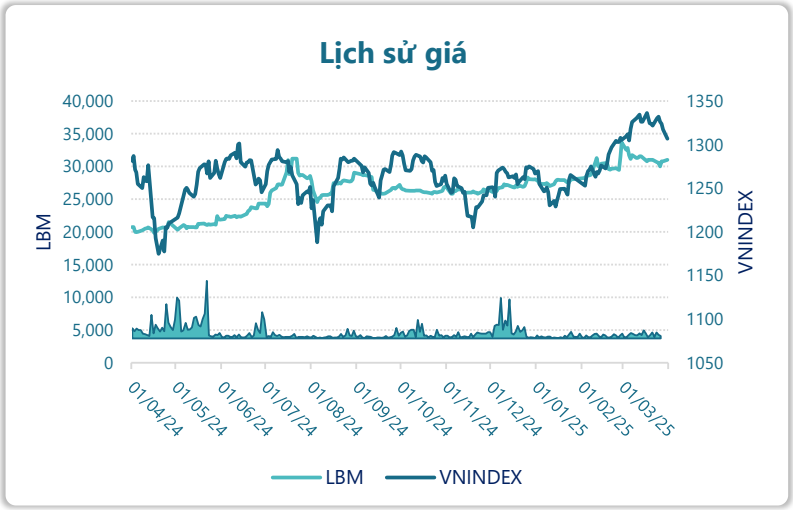

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,677
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,845
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,055
% sở hữu nước ngoài	15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,240
P/E	15.6
EPS	1,992

DT thuần

Q1/25

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.0| -5.3%

YoY: ▲ 67.0| 37.8%

LN sau thuế

Q1/25

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 9.9%

YoY: ▼2.70| -10.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

12.4%

+/- YoY: ▼ 5.8%

DT thuần

2024

873

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -3.2%

LN sau thuế

2024

82.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼42.4| -34.0%

ROE

2024

13.6%

+/- YoY: ▼ 8.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

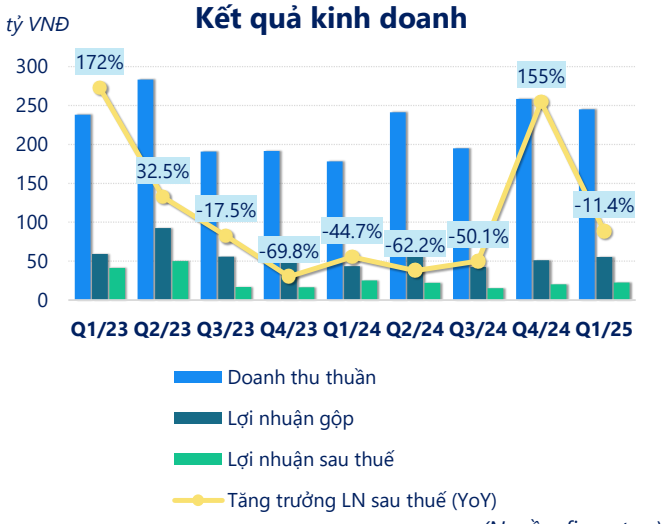

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

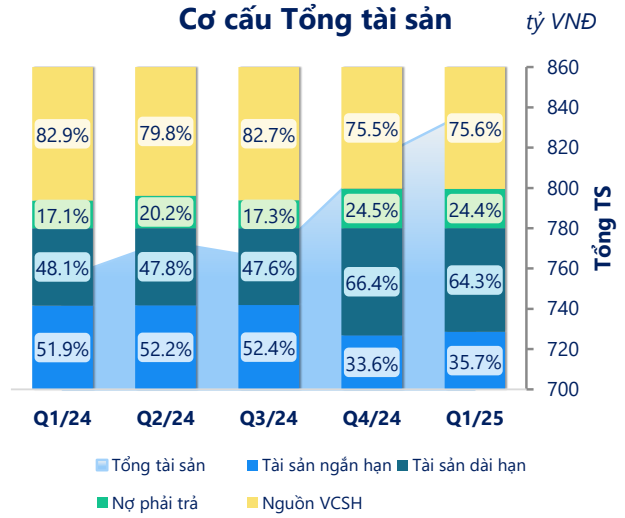

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

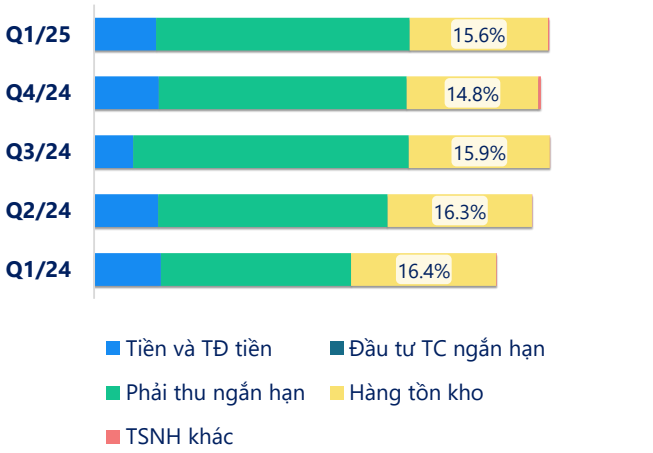

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

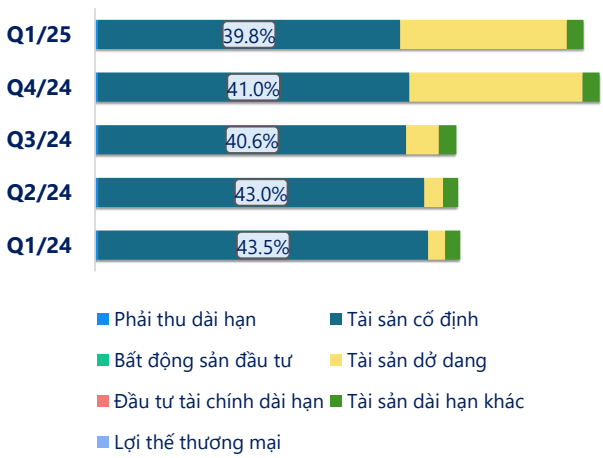

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

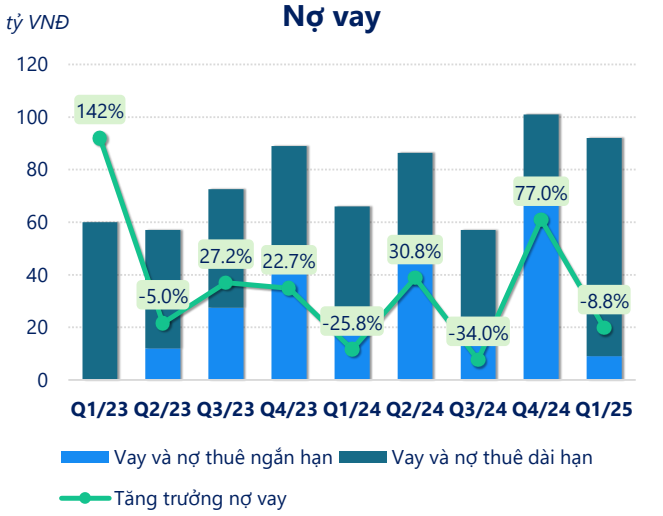

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

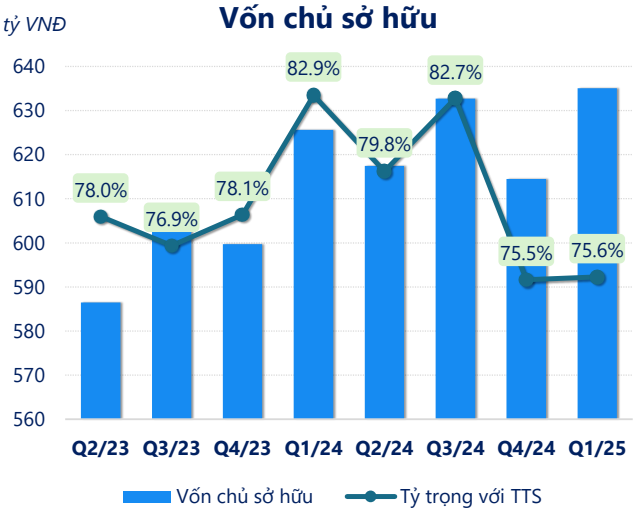

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

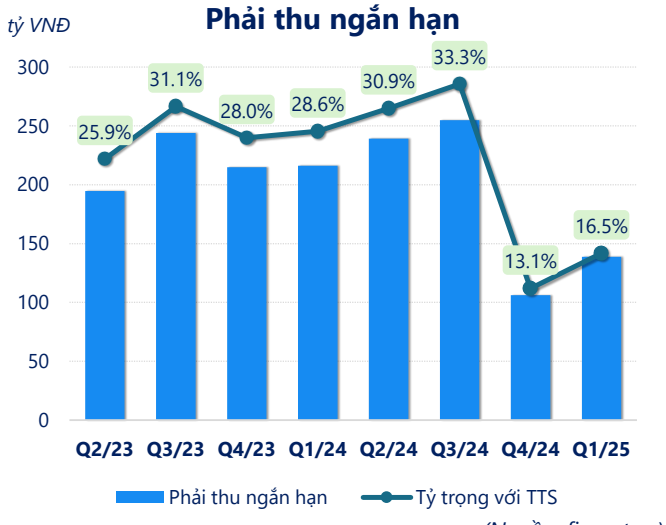

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

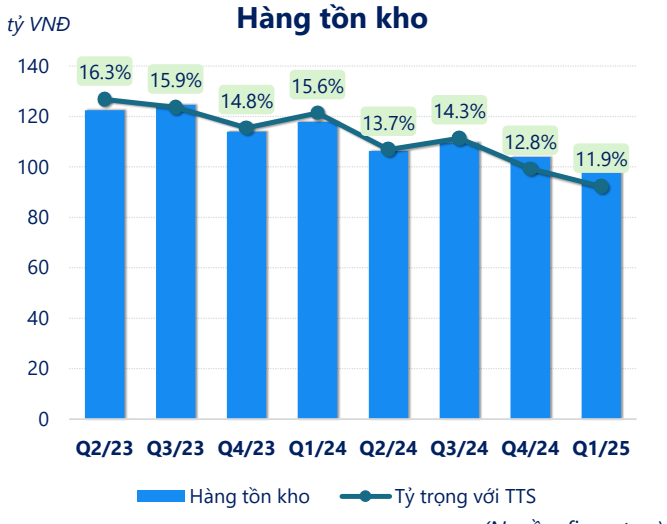

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

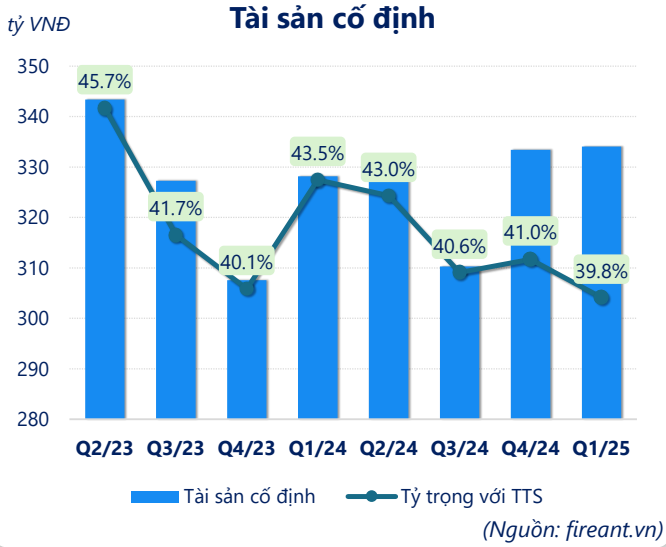

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

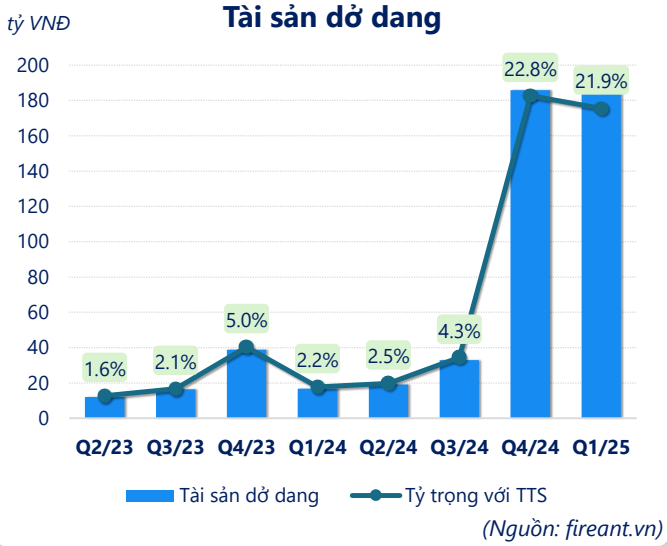

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

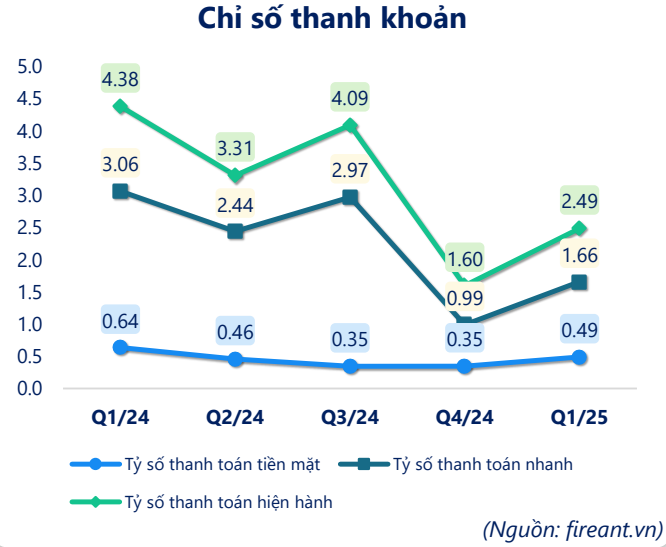

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

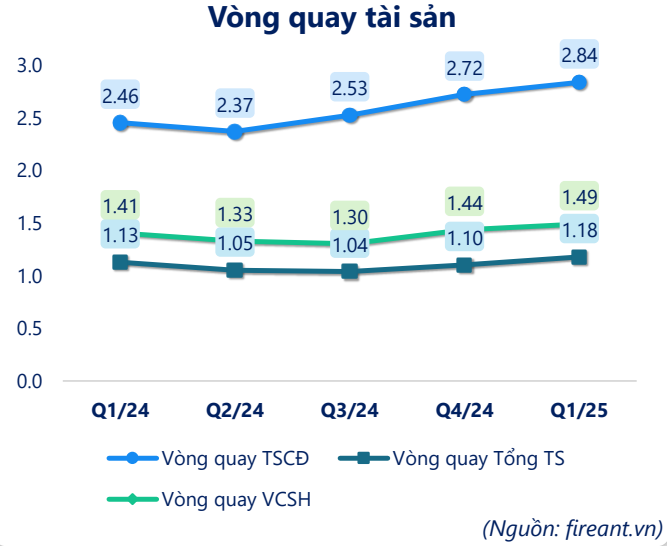

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**755**	**773**	**765**	**814**	**840**
Tài sản ngắn hạn	**392**	**404**	**401**	**273**	**300**
Tiền và tương đương tiền	56.9	55.9	33.9	59.4	58.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	216	239	255	106	139
Hàng tồn kho	118	106	110	104	99.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	2.27	2.70	3.71	2.29
Tài sản dài hạn	**363**	**370**	**364**	**540**	**540**
Phải thu dài hạn	3.15	3.15	3.15	3.20	3.21
Tài sản cố định	328	332	310	333	334
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.7	19.1	32.8	186	184
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	15.1	15.3	17.6	18.0	18.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**129**	**156**	**132**	**199**	**204**
Nợ ngắn hạn	**89.5**	**122**	**98.1**	**171**	**120**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.0	53.3	24.0	73.9	9.00
Phải trả người bán ngắn hạn	33.6	30.5	28.4	38.6	50.1
Nợ dài hạn	40.0	34.0	34.0	28.0	84.0
Vay và nợ thuê dài hạn	39.0	33.0	33.0	27.0	83.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**626**	**617**	**633**	**615**	**635**
Vốn chủ sở hữu	**626**	**617**	**633**	**615**	**635**
Vốn điều lệ	200	200	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)